TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 9 - AN GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt - Ông Lý Tuấn Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 413/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thùy T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: 1 khóm T, phường M, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1988. Nơi cư trú: C khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Đỗ Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện sống chung từ năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Khi bà sinh con được 02 tuổi thì ông V đánh và hâm dọa bà. Thời gian sống ly thân ông V không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông V.

Về con chung: Bà T trình bày bà và ông V có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh ngày 10/01/2017. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, vì bà có việc làm có thu nhập đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Thanh V được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Phiên tòa mở lần thứ hai, ông V tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thùy T. Bà T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh ngày 10/01/2017 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, do người đang trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu nên không xem xét. Người đang trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người còn lại trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà T yêu cầu giải quyết ly hôn với ông V, ông V cư ngụ tại phường M (nay là phường L) nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang thụ lý là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông V vắng mặt không có lý do. Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều

227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Thùy T và ông Nguyễn Thanh V.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, khi bà sinh con được 02 tuổi thì ông V đánh và hâm dọa bà. Bà nhiều lần tạo cơ hội nhưng ông V không có thiện chí hàn gắn. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông V.

Quá trình giải quyết vụ án ông V vắng mặt. Theo phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường M ngày 02/6/2025 thể hiện: Nguyễn Thanh V, sinh năm 1988 có đăng ký thường trú tại số C khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do ông V vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông V biết nhưng ông V vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do bà T cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T là ông V đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên cả ông V và bà T đều không quan tâm, không có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai ông V, bà T đều vắng mặt là không có nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông V.

[2.2]. Về con chung: Bà T và ông V có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh ngày 10/01/2017. Cháu K có nguyện vọng được sống với bà T nếu cha mẹ ly hôn. Ông V không tranh chấp quyền nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên, nhưng bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T phải tạo điều kiện cho ông V được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T

nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông V, bà T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết. Ông V không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Thùy T được ly hôn ông Nguyễn Thanh V.

- Về con chung: Bà T và ông V có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh ngày 10/01/2017. Bà T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông V được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông V, bà T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002978, ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang). Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Quyền kháng cáo: Bà Trang và ông V không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 9 - An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự - Khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.